

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 28 tháng 8 năm 2018

Số: 308 /ĐĐBQH-VP
V/v trả lời kiến nghị của cử tri Gia Lai
gửi tới kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV

Kính gửi:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Báo Gia Lai.

Thực hiện chương trình tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai đã tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri Gia Lai gửi đến các cơ quan có liên quan.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai nhận được Công văn số 3366/VKSTC-VP14, ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV.

Vậy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh gửi quý cơ quan (*bản phô tô*) để thông báo đến các cơ quan có liên quan và quý cử tri trên địa bàn tỉnh biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh (*để báo cáo*);
- Các đại biểu Quốc hội (tỉnh Gia Lai);
- Lãnh đạo VPĐĐBQH;
- Văn phòng HĐND tỉnh (trang Web);
- Lưu: VPĐĐBQH.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



(Signature)
Đinh Duy Vượt

Số: **3365** /VKSTC-V14

Hà Nội, ngày **13** tháng 8 năm 2018

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV

Kính gửi:

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Sóc Trăng;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bến Tre;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai. —

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI

Số: 868

ĐẾN Ngày: 15/8/2018

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã nhận được kiến nghị của cử tri các tỉnh Tây Ninh, Thanh Hóa, Sóc Trăng, thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre, thành phố Hà Nội, Lạng Sơn, Kiên Giang và Gia Lai do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 251/BDN ngày 15/6/2018 và Công văn số 283/BDN ngày 06/7/2018. Viện kiểm sát nhân dân tối cao xin trả lời như sau:

1. Kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh: “Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Tại Điểm b, Khoản 1, Điều 208 quy định về thời gian giám định không quá 01 tháng đối với giám định pháp y tử thi. Đề nghị gia hạn thêm thời gian vì quy định này khó khả thi đối với những vụ xác định nguyên nhân chết không rõ nguyên nhân, phức tạp, nhân vật quan trọng... cần phải tiến hành thêm các loại giám định khác như: độc chất, vi thể phụ thuộc vào kết quả giám định của các cơ quan khác”.

Trả lời:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 208 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì thời gian giám định đối với giám định pháp y tử thi là không quá 01 tháng. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng đã quy định: “Trường hợp việc giám định không thể tiến hành trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì tổ chức, cá nhân tiến hành giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan, người yêu cầu giám định”. Do vậy, trong những vụ việc xác định nguyên nhân chết không rõ nguyên nhân, phức tạp, nhân vật quan trọng... cần phải tiến hành thêm các loại giám định khác mà việc giám định nguyên nhân chết không thể tiến hành trong thời hạn 01 tháng thì tổ chức, cá nhân tiến hành giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan, người yêu cầu giám định.

2. Kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa: “Đề nghị ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và các quy định có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 để tạo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật”.

Trả lời:

* Để triển khai thi hành Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018), các bộ, ngành có liên quan đang khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng các văn bản hướng dẫn 02 bộ luật nêu trên.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao được giao chủ trì soạn thảo **08 Thông tư liên tịch** quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bao gồm:

(1) Thông tư liên tịch quy định phối hợp trong báo cáo, thông báo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp.

(2) Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong công tác thống kê hình sự, thống kê tội phạm (thay thế Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 01/7/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong công tác thống kê hình sự, thống kê tội phạm).

(3) Thông tư liên tịch hướng dẫn quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (thay thế Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003).

(4) Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung (thay thế Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung).

(5) Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên (thay thế Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12/07/2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên).

(6) Thông tư liên tịch hướng dẫn quan hệ phối hợp giữa các Cơ quan thanh tra, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm do Cơ quan thanh tra kiến nghị khởi tố (thay thế Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-VKSTC-TTTP-BCA-BQP ngày 22/3/2012 quy định về quan hệ phối hợp giữa các Cơ quan thanh tra, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm do Cơ quan thanh tra kiến nghị khởi tố).

(7) Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự về các trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định trong quá trình giải quyết các vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

(8) Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo (thay thế Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BQP-BTP ngày 10/8/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo).

Đến nay, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các bộ, ngành có liên quan đã ký ban hành 04 Thông tư liên tịch, bao gồm:

(1) Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13/12/2017 quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

(2) Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

(3) Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BTP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/4/2018 quy định phối hợp trong việc báo cáo, thông báo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp.

(4) Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo.

Đối với 04 Thông tư liên tịch khác, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng đang tích cực hoàn thiện, xin ý kiến các bộ, ngành lần cuối trước khi ban hành; dự kiến ký ban hành trong Quý III/2018.

* Đối với các văn bản hướng dẫn do các bộ, ngành khác chủ trì soạn thảo, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tích cực, phối hợp tham gia trong quá trình xây dựng, đến nay, đã ban hành các văn bản sau:

(1) Nghị định số 115/2017/NĐ-CP ngày 16/10/2017 quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền pháp nhân thương mại phải nộp để bảo đảm thi hành án; việc tạm giữ, hoàn trả, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã nộp.

(2) Nghị định số 127/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng.

(3) Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015.

(4) Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

(5) Nghị định số 37/2018/NĐ-CP ngày 10/3/2018 quy định chi tiết thi hành các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự.

(6) Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm

quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

(7) Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-BCA-BQP -TANDTC-VKSNDTC ngày 23/01/2018 quy định về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

(8) Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa.

(9) Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

(10) Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-BCA-BQP -TANDTC-VKSNDTC ngày 09/02/2018 quy định phối hợp thực hiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tha tù trước thời hạn có điều kiện.

(11) Thông tư liên tịch số 05/2018//TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25/6/2018 quy định về việc phối hợp thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.

(12) Thông tư liên tịch quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã đặt để bảo đảm.

(13) Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

(14) Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS số 100/2015/QH13.

(15) Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(16) Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 66 và Điều 106 của Bộ luật Hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện.

(17) Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

(18) Thông tư số 02/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quy chế tổ chức phiên tòa.

(19) Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về phòng xử án.

(20) Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự.

(21) Thông tư số 13/2018/TT-BCA ngày 09/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định tối thiểu cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự.

* Đối với các văn bản hướng dẫn các quy định có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 thì Tòa án nhân dân tối cao, khi cần thiết, có trách nhiệm hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các điều, khoản, điểm trong Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ lưu ý kiến nghị này của cử tri trong quá trình Tòa án nhân dân tối cao xây dựng văn bản hướng dẫn. Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa có thể trao đổi trực tiếp với Tòa án nhân dân tối cao.

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng đã chủ động ban hành văn bản hướng dẫn các quy định có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 trong ngành Kiểm sát nhân dân, gồm Công văn số 5003/VKSTC-V14 ngày 02/12/2016 về việc hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015 và các quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội, Công văn số 172/VKSTC-V14 ngày 18/01/2016 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung trong Nghị quyết thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, Công văn số 3010/VKSTC-V14 ngày 09/8/2017 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung trong Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

3. Kiến nghị của cử tri tỉnh Sóc Trăng: “Bộ Luật tổ tụng hình sự năm 2015:

- Về thủ tục đăng ký bào chữa được quy định tại (khoản 6 Điều 78). Cơ quan tiến hành tố tụng đã có văn bản thông báo người bào chữa nhưng xảy ra trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 6 Điều 78 thì cơ quan tiến hành tố tụng còn lúng túng trong việc xử lý: Có cần ra văn bản thông báo hay không thì luật không quy định nên khó xử lý.

- Điều 128 quy định về kê biên tài sản nhưng chỉ quy định về căn cứ kê biên; người có thẩm quyền kê biên; thủ tục kê biên. Nhưng không quy định cụ thể là cơ quan nào thực hiện quyết định kê biên tài sản trong các giai đoạn tố tụng.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 357 quy định “Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc bị hại kháng cáo yêu cầu thì Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể: Tăng hình phạt, áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự về tội nặng hơn; áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng biện pháp tư pháp”. Vậy trong trường hợp này Tòa án cấp phúc thẩm có quyền áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bổ sung hay không”.

Trả lời:

- Trường hợp người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa (điểm a khoản 6 Điều 78 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) hoặc người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi) từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa (điểm b khoản 6 Điều 78 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) thì theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cơ quan tiến hành tố tụng không cần ra văn bản thông báo về việc thay đổi hoặc từ chối người bào chữa, chỉ cần lập biên bản về việc thay đổi hoặc từ chối người bào chữa và đưa vào hồ sơ vụ án. Trường hợp thay đổi người bào chữa thì thủ tục đăng ký người bào chữa khác được thực hiện theo quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chỉ có quy định “những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra lệnh kê biên tài sản” (khoản 2 Điều 128). Tuy Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không quy định cụ thể về người có thẩm quyền tiến hành lệnh kê biên tài sản nhưng thực tiễn áp dụng cho thấy, lệnh kê biên tài sản do cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án thực hiện.

- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không quy định cụ thể Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bổ sung mà chỉ quy định chung “trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc bị hại kháng cáo yêu cầu thì Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể: Tăng hình phạt, áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự về tội nặng hơn; áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng biện pháp tư pháp” (điểm a khoản 2 Điều 357). Tuy nhiên, việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bổ sung là một trong những căn cứ để tăng hình phạt, áp dụng hình phạt bổ sung, áp dụng biện pháp tư pháp, tăng mức bồi thường thiệt hại hoặc chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nặng hơn hoặc không cho bị cáo hưởng án treo. Vì vậy, trong trường hợp này, Tòa án cấp phúc thẩm có quyền áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bổ sung nếu có căn cứ.

4. Kiến nghị của cử tri thành phố Hồ Chí Minh:

- **Kiến nghị số 1:** “Đề nghị hướng dẫn áp dụng thống nhất ở Tòa án nhân dân các cấp và Viện kiểm sát nhân dân các cấp về việc không yêu cầu cung cấp Phiếu Lý lịch tư pháp đối với cán bộ, công chức tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trong các vụ án hành chính”.

Trả lời:

Nội dung này đã được quy định cụ thể, rõ ràng tại điểm c khoản 2 Điều 61 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, theo đó: (1) Cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, Thi hành án; công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an **không được làm** người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong các vụ án hành chính; (2) Công dân Việt Nam (*bao gồm cả cán bộ, công chức không thuộc trường hợp nêu trên*) khi có đủ 04 điều kiện: (i) có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, (ii) có kiến thức pháp lý, (iii) **chưa bị kết án hoặc bị kết án nhưng đã được xóa án tích**, (iv) không thuộc trường hợp đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, thì **được làm** người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong các vụ án hành chính khi có yêu cầu của đương sự.

Do đó, khi Tòa án nhân dân các cấp yêu cầu cán bộ, công chức tham gia tố tụng hành chính với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì họ phải có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án nhân dân các cấp để làm cơ sở cho Tòa án xác định có đủ điều kiện làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong các vụ án hành chính hay không.

- **Kiến nghị số 2:** “*Đề nghị ban hành văn bản hướng dẫn hoặc hướng dẫn cho phép cán bộ, công chức công tác trong ngành Thanh tra (bao gồm thanh tra nhà nước và thanh tra chuyên ngành) và ngành Công an được tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và/ hoặc người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện*”.

Trả lời:

Nội dung này đã được quy định cụ thể, rõ ràng tại Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

(1) *Về quy định người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện*

- Đối với vụ án hành chính: Khoản 7 Điều 60 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định “*công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an không được làm người đại diện trong tố tụng hành chính, trừ trường hợp họ tham gia với tư cách là người đại diện cho cơ quan của họ hoặc với tư cách là người đại diện theo pháp luật*”. Do đó, **cán bộ, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an không được** làm người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, trừ trường hợp họ tham gia với tư cách là người đại diện cho cơ quan của họ; còn đối với **cán bộ, công chức trong ngành Thanh tra thì có thể** làm người đại diện theo ủy quyền nếu có đủ các điều kiện khác theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

- Đối với vụ án dân sự: Khoản 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định người đại diện theo ủy quyền theo quy định của Bộ luật Dân sự là người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự. Theo đó, không có quy định cấm cán bộ, công chức công tác trong ngành Thanh tra và ngành Công an được tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trong tố tụng dân sự.

(2) Về quy định người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện

- Đối với vụ án hành chính: Điểm c khoản 2 Điều 61 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định người không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, Thi hành án; công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an thì được làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, **cán bộ, công chức trong ngành Thanh tra, công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an không được làm** người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện.

- Đối với vụ án dân sự: Điểm d khoản 2 Điều 75 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định người không phải là công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an được làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, **công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an thì không được làm** người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; **còn cán bộ, công chức trong ngành Thanh tra thì được làm** người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện nếu có đủ các điều kiện khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

5. Kiến nghị của cử tri tỉnh Bến Tre:

- **Kiến nghị số 1:** “Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó; Điều 122 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thời hạn tạm giữ người không quá 12 giờ, trường hợp cần thiết kéo dài hơn không quá 24 giờ. Trong thời gian giữ người theo thủ tục tố tụng hay tạm giữ người theo thủ tục hành chính, các cơ quan chức năng phải tiến hành các hoạt động để chứng minh, làm rõ các dấu hiệu để có căn cứ ra quyết định tạm giữ người hoặc làm cơ sở ra quyết định xử phạt; nhất là trong các vụ việc cần phải thực hiện giám định về chất ma túy. Tuy nhiên, thời hạn giám định theo Điểm c, Khoản 1, Điều 208 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với chất nghi chất ma túy không quá 09 ngày; Thông tư số 46/2013/TT-BCA ngày 05/11/2013 của Bộ Công an quy định về quy trình giám định ma túy nhóm Opiat trong mẫu bắt được tối thiểu là 02 ngày, tối đa là 11 ngày. Chính vì áp lực về mặt thời gian, cơ quan ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp hay giữ người theo thủ tục hành chính gặp nhiều khó khăn vì phải chờ kết luận của cơ quan giám định để làm cơ sở xử lý hoặc áp dụng các biện pháp tiếp theo, trong khi việc giám định chất ma túy khá phức tạp ngoài việc xác định có phải chất ma túy hay không, phải làm rõ (loại ma túy, trọng lượng, hàm lượng), các trang thiết bị, máy móc hiện tại của Công an tỉnh chưa đầy đủ, hiện đại nên khó đưa ra kết luận trong thời gian ngắn”.

Trả lời:

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định chặt chẽ về thời hạn tạm giữ, cụ thể: “Thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về trụ sở của mình hoặc kể từ khi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ người phạm tội tự thú, đầu thú. Trường hợp

cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá 03 ngày. Trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá 03 ngày” (khoản 1 và khoản 2 Điều 118). Do đó các cơ quan tiến hành tố tụng phải chấp hành nghiêm thời hạn này. Trên thực tế, để bảo đảm nhanh chóng, kịp thời làm rõ các dấu hiệu để có căn cứ ra quyết định tạm giữ, nhất là trong các vụ việc cần phải thực hiện giám định về chất ma túy thì bên cạnh việc trưng cầu giám định, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải tiến hành các biện pháp nghiệp vụ khác. Ngoài ra, cần xem xét, tăng cường điều kiện bảo đảm cho công tác giám định, góp phần giải quyết các vụ án hình sự kịp thời, đúng pháp luật.

- **Kiến nghị số 2:** “Điều 183 quy định về hỏi cung bị can có ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; Điều 10 Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, trong đó quy định Bộ Công an phối hợp với bộ, ngành có liên quan quyết định cụ thể nơi có điều kiện để thực hiện việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, đến nay Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bến Tre chưa nhận được quyết định việc địa phương nào sẽ thực hiện việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, dẫn đến khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự”.

Trả lời:

Thực hiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 110/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, ngày 19/4/2018, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 1647/QĐ-BCA xác định một số nơi có đủ điều kiện để thực hiện việc ghi âm, ghi hình có âm thanh hoạt động hỏi cung bị can trong Công an nhân dân; theo đó, có 05 đơn vị, địa phương có đủ điều kiện, gồm: (1) Tổng cục An ninh (Trại tạm giam B14, Cục A92); (2) Tổng cục Cảnh sát (Trại tạm giam T16, Cục C44); (3) Công an thành phố Hà Nội (Trại tạm giam số 1, PC45, nhà tạm giữ Công an Quận Cầu Giấy); (4) Công an thành phố Hồ Chí Minh (Trại tạm giam Chí Hòa, trụ sở Cơ quan cảnh sát điều tra, nhà tạm giữ Công an Quận 1); (5) Công an tỉnh Bắc Giang (Trại tạm giam Công an tỉnh, trụ sở Cơ quan cảnh sát điều tra, nhà tạm giữ Công an thành phố Bắc Giang). Như vậy, theo Quyết định này, tỉnh Bến Tre chưa được xác định đủ điều kiện để thực hiện việc ghi âm, ghi hình có âm thanh hoạt động hỏi cung bị can trong điều tra, truy tố, xét xử.

Hiện nay, Bộ Công an đang chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng Đề án về “Cơ sở vật chất, bộ máy, cán bộ và lộ trình cụ thể thực hiện

việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”. Dự thảo Đề án nêu trên đã được Bộ Công an gửi xin ý kiến các bộ, ngành để tiếp thu, hoàn thiện (Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có Công văn số 2132/VKSTC-V14 ngày 28/5/2018 để góp ý dự thảo Đề án nêu trên). Theo tinh thần của dự thảo Đề án thì dự kiến chậm nhất đến ngày 01/01/2020 sẽ thực hiện thống nhất việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trên phạm vi toàn quốc theo đúng quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14.

- **Kiến nghị số 3:** “Điều 216 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định “Việc định giá tài sản, trả kết luận định giá tài sản thực hiện theo thời hạn nêu trong văn bản yêu cầu định giá tài sản...”. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng, các cơ quan yêu cầu định giá ghi thời hạn tùy nghi không theo từng loại tài sản mà ấn định chung một thời hạn, có những trường hợp ấn định thời hạn đến hết thời hạn giải quyết vụ việc theo quy định Bộ luật tố tụng, dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết vụ án”.

Trả lời:

Do thời gian tiến hành định giá tài sản phụ thuộc vào loại tài sản; thông tin và đặc điểm của từng loại tài sản nên Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không ấn định một thời hạn chung cho tất cả các loại tài sản mà giao trách nhiệm này cho cơ quan tiến hành tố tụng các cấp xem xét, ấn định thời hạn định giá tài sản cho phù hợp với từng vụ việc. Trường hợp cơ quan, người tiến hành tố tụng không làm hết trách nhiệm, cố ý kéo dài thời gian giải quyết vụ án, vụ việc thì cần phải chấn chỉnh, khắc phục ngay.

- **Kiến nghị số 4:** “Về thời điểm tính thời gian tạm giữ: Tại khoản 1 Điều 118 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định thời gian tạm giữ là “03 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, **người bị bắt về trụ sở của mình...**”. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 114 Bộ luật Tố tụng Hình sự lại quy định “Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người hoặc nhận người bị giữ; bị bắt, Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và trong thời hạn **12 giờ phải ra quyết định tạm giữ...**”. Như vậy, thời gian tạm giữ 03 ngày tính từ khi Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về trụ sở của mình hay tính từ khi Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm giữ. Hiện nay Cơ quan điều tra, các Đoàn biên phòng vẫn chưa thực hiện thống nhất nên cần phải có hướng dẫn của liên ngành Trung ương”.

Trả lời:

Điều 118 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định rõ ràng, cụ thể về thời điểm tính thời hạn tạm giữ, theo đó, thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày **kể từ khi** Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra **nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về trụ**

sở của mình hoặc kể từ khi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ người phạm tội tự thú, đầu thú.

- **Kiến nghị số 5:** “*Đề nghị xem xét chính sách tiền lương của cán bộ Kiểm sát vì hiện nay, trong ngành Kiểm sát cấp huyện thì còn rất nhiều cán bộ, chuyên viên chưa được bổ nhiệm vào chức danh Kiểm tra viên, Kiểm sát viên nên không được hưởng phụ cấp trách nhiệm. Trong khi đó, các ngành Tòa án và Thi hành án dân sự đều có chức danh Thư ký và được hưởng phụ cấp trách nhiệm nghề.*”

Trả lời:

Theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì “*Thư ký Tòa án là người có trình độ cử nhân luật trở lên được Tòa án tuyển dụng, đào tạo nghiệp vụ Thư ký Tòa án và bổ nhiệm vào ngạch Thư ký Tòa án*”. Theo quy định của Thông tư số 03/2017 ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành thi hành án dân sự thì “*Thư ký Thi hành án dân sự là công chức chuyên môn nghiệp vụ về thi hành án dân sự*”. Theo quy định của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì chế độ phụ cấp trách nhiệm nghề được đặt ra nhằm thể hiện sự đãi ngộ đặc thù đối với một số chức danh xếp theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ và bảng lương chức vụ thuộc ngành Tòa án, Kiểm sát, Thanh tra và một số chức danh tư pháp. Như vậy, đối với Thư ký Tòa án và Thư ký Thi hành án dân sự là những chức danh xếp theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành Tòa án, Thi hành án nên họ được hưởng phụ cấp trách nhiệm nghề. Còn đối với cán bộ, chuyên viên thuộc ngành Kiểm sát do chưa có chức danh chuyên môn, nghiệp vụ nên họ ***không thuộc đối tượng được hưởng phụ cấp trách nhiệm nghề.***

Hiện nay, đối với các đối tượng này, pháp luật cũng quy định cho họ ***được hưởng phụ cấp thâm niên nghề.*** Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/09/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì “*a) Phụ cấp thâm niên nghề: Áp dụng đối với sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp thuộc quân đội nhân dân, sĩ quan và hạ sĩ quan hưởng lương thuộc công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu và cán bộ, công chức đã được xếp lương theo các ngạch hoặc chức danh chuyên ngành: hải quan, tòa án, kiểm sát, kiểm toán, thanh tra, thi hành án dân sự, kiểm lâm. Mức phụ cấp như sau: sau 5 năm (đủ 60 tháng) tại ngũ hoặc làm việc liên tục trong ngành cơ yếu, hải quan, tòa án, kiểm sát, kiểm toán, thanh tra, thi hành án dân sự, kiểm lâm thì được hưởng phụ cấp thâm niên nghề bằng 5% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); từ năm thứ sáu trở đi mỗi năm được tính thêm 1%*”.

Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT-BNV-BTC ngày 24/12/2009, thì đối tượng được hưởng phụ cấp thâm niên nghề không

bao gồm cán bộ, công chức đã được xếp lương theo các ngạch (chuyên viên cao cấp, công chức loại A0, B, C) làm việc trong ngành Kiểm sát.

Như vậy, quy định giữa 02 văn bản nêu trên là chưa thống nhất với nhau. Vấn đề này đã được Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiến nghị, đề xuất nhiều lần, tuy nhiên, đến nay vẫn chưa được giải quyết. Trong thời gian tới, Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ tiếp tục báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết vấn đề nêu trên theo đúng quy định của Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/09/2009.

- **Kiến nghị số 6:** “*Cử tri đề nghị các cấp, các ngành liên quan tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, nhất là xử lý nghiêm minh những trường hợp mua bán, tàng trữ, vận chuyển các chất ma túy*”.

Trả lời:

Trong những năm qua, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra hàng chục nghìn vụ án, ban hành cáo trạng đề nghị truy tố hàng trăm nghìn bị can phạm tội về ma túy ra trước Tòa án để xét xử theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự¹, trong đó có những vụ án lớn với nhiều bị can tham gia, số lượng tang vật thu giữ rất lớn, đến hàng trăm “bánh” heroin², thủ đoạn phạm tội tinh vi xảo quyệt; qua đó, đã góp phần tích cực vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm trong sạch môi trường sống, môi trường thu hút đầu tư, tạo đà cho kinh tế phát triển, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được bảo đảm.

Ngày 30/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Công văn số 2192/VKSTC về việc triển khai “*Tháng hành động phòng, chống ma túy*” năm 2018, theo đó, Viện kiểm sát nhân dân tối cao yêu cầu: **(1)** Viện kiểm sát nhân dân các cấp tập trung tuyên truyền sâu rộng tác hại của tệ nạn ma túy, chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo công tác phòng chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới, các quy định của pháp luật về đấu tranh phòng, chống ma túy; **(2)** Viện kiểm sát nhân dân các cấp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên trách trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống ma túy khi mở đợt cao điểm tấn công, triệt phá tội phạm về ma túy trên các tuyến, địa bàn trọng điểm trong phạm vi toàn quốc hoặc tại địa phương mình; đặc biệt chú ý tuyến biên giới giữa Việt Nam - Lào, Việt Nam - Trung Quốc, các con đường tiểu ngạch, sân bay Quốc tế và cảng biển; **(3)** Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định thực hiện tốt việc tiếp nhận, kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm ma túy; đối với những vụ án đã khởi tố đang điều tra thì cần dồn đốc đẩy nhanh tiến độ điều tra, thu thập chứng cứ làm rõ hành vi phạm tội của bị can trong vụ án; ba ngành tố tụng cần hợp thống nhất lựa chọn, xây dựng án trọng điểm để kịp thời điều tra, truy tố và đưa đi xét xử lưu động tại các địa bàn

¹Trong 6 tháng đầu năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra 10.022 vụ/12.009 bị can.

²Vụ bắt 512 bánh heroin, vụ bắt 60.000 viên ma túy tổng hợp và 135 bánh heroin, vụ bắt 500.000 viên ma túy tổng hợp tại Điện Biên, vụ bắt 329 bánh heroin và 210.000 viên ma túy tổng hợp tại Lào Cai, vụ bắt 30 kg ma túy tổng hợp tại Hòa Bình...

phát sinh nhiều tội phạm nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục phòng ngừa tội phạm và tệ nạn ma túy; đánh giá các tác hại, ảnh hưởng tiêu cực của ma túy đối với bản thân người phạm tội và với cả cộng đồng, từ đó đề xuất mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội; các đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao cần tập trung giải quyết dứt điểm các vụ án ma túy thuộc thẩm quyền đang thụ lý giải quyết, chủ động nắm tình hình về tội phạm ma túy thông qua các báo cáo ban đầu, các thông tin từ mạng xã hội để có sự chỉ đạo kịp thời đối với các vụ án ma túy lớn, có tính chất phức tạp, có nhiều bị can tham gia, liên quan đến nhiều địa phương khác nhau do Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới thụ lý giải quyết, đảm bảo việc xử lý nhanh chóng, kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tuyệt đối không được xảy ra oan, sai; nhưng không để bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; (4) Công tác kiểm sát việc chấp hành pháp luật tại các Nhà tạm giữ, Trại tạm giam và Trại cải tạo cần chú ý đến các biện pháp đấu tranh phòng, ngừa việc đưa ma túy vào trong để sử dụng trái phép.

- **Kiến nghị số 7:** “Sau khi Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi năm 2015 đã tăng thẩm quyền cho cấp huyện, hầu hết các vụ án hình sự đều thuộc thẩm quyền cấp huyện xử lý nên khối lượng và tính chất phức tạp công việc của Kiểm sát viên sơ cấp tăng lên rất nhiều. Tuy nhiên, đến nay, đã qua hàng chục năm nhưng bậc lương của Kiểm sát viên sơ cấp ở cấp huyện vẫn không thay đổi, gây thiệt thòi cho cán bộ, Kiểm sát viên sơ cấp ở cấp huyện”.

Trả lời:

Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã nhiều lần kiến nghị, đề xuất về chế độ tiền lương và phụ cấp đặc thù đối với Kiểm sát viên, Điều tra viên, Kiểm tra viên, công chức, viên chức trong ngành Kiểm sát nhân dân, tuy nhiên, đến nay vẫn chưa được giải quyết. Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ lưu ý kiến nghị này của cử tri để báo cáo với cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

6. Kiến nghị của cử tri thành phố Hà Nội: “Đề nghị sớm có văn bản báo cáo Chủ tịch nước về thời hạn trả lời đơn xin giảm án tử hình cho bị án tử hình do hiện nay số bị án này đang tăng cao tại các cơ sở giam giữ thuộc công an thành phố Hà Nội”.

Trả lời:

Việc thi hành án tử hình liên quan đến sinh mạng của người bị kết án nên phải được xem xét hết sức kỹ lưỡng, thận trọng, tránh những sai sót mà không thể khắc phục được. Việc xem xét ân giảm án tử hình là đặc ân của Chủ tịch nước nên pháp luật về thi hành án và các văn bản pháp luật có liên quan không quy định thời hạn Chủ tịch nước trả lời đơn xin ân giảm án tử hình.

Tuy nhiên, để giúp Chủ tịch nước trong việc xét đơn xin ân giảm án tử hình, ngày 11/01/2012, Văn phòng Chủ tịch nước và Tòa án nhân dân tối cao đã ban

hành Quy chế số 21/QCLT-VPCTN-TANDTC, trong đó có nội dung trao đổi, phối hợp chuyển giao văn bản, tài liệu giữa các cơ quan này để có đủ cơ sở, căn cứ cho việc Chủ tịch nước xem xét, quyết định ân giảm án tử hình.

7. Kiến nghị của cử tri tỉnh Lạng Sơn: “Về việc thi hành Bộ luật tố tụng hình sự:

a) Tại Khoản 4, Điều 5 quy định: “Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và tạo điều kiện để cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ”. Tuy nhiên, tại Điểm c, Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 của Chính phủ quy định: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp Bộ, Cơ quan điều tra của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mới có thẩm quyền yêu cầu Ngân hàng cung cấp thông tin, tài khoản của khách hàng, cơ quan điều tra Công an cấp huyện không có thẩm quyền này.

Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, rà soát các nội dung quy định có liên quan để xây dựng hệ thống pháp luật về tố tụng hình sự được chặt chẽ, trong đó công tác thu thập tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra cấp huyện được nhanh chóng, kịp thời.

b) Tại Điều 36 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra

Tại Điểm b, Khoản 1 quy định Thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra “quyết định phân công hoặc thay đổi Phó thủ trưởng cơ quan điều tra, thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, kiểm tra việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự của Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra...” quy định như vậy là chưa chặt chẽ, chưa quy định việc Thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định phân công hoặc thay đổi Phó Thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố, điều tra vụ án hình sự.

Tại Khoản 3 quy định: Khi được phân công tiến hành việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 điều này... Theo quy định như trên, Phó Thủ trưởng khi được phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm không có các quyền hạn, nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 36 Bộ luật tố tụng hình sự, do Phó Thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra giai đoạn này chưa được phân công khởi tố, điều tra vụ án hình sự, giai đoạn này chưa khởi tố vụ án hình sự được.

c) Tại Điều 37 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên: Tương tự như Điều 36 quy định về việc Điều tra viên khi được phân công tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm cũng không có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng hình sự, vì tại Khoản 1, Điều 37 của Bộ luật này chỉ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên như sau: “Điều tra viên được phân công tiến hành hoạt động khởi tố, điều tra vụ án hình sự có những nhiệm vụ, quyền hạn...”.

d) Tại Khoản 5, Điều 88 quy định về thu thập chứng cứ như sau “Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày.. biên bản được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này”. Quy định như trên là khó thực hiện vì một vụ án phải thu thập tài liệu nhiều lần, nhiều thời điểm khác nhau, nhiều nơi, sau mỗi lần thu thập lại thống kê, lập biên bản giao nhận từng lần cho Viện kiểm sát gây lãng phí về thời gian, nhiều thủ tục. Đề nghị có hướng dẫn cụ thể để thống nhất thực hiện.

đ) Tại Khoản 4, Điều 110 quy định về giữ người trong trường hợp khẩn cấp có nội dung: Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người hoặc tiếp nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó.

e) Tại Điều 117 của Bộ luật này quy định: Tạm giữ có thể áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang... quy định như vậy có thể hiểu rằng sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quan điều tra có thể áp dụng biện pháp tạm giữ đối với người bị giữ mà không cần phải ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Đề nghị có văn bản hướng dẫn cụ thể để thống nhất thực hiện đối với các trường hợp cụ thể như sau:

Một là, trường hợp ra Quyết định bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp: Theo quy định tại khoản 4, Điều 110 thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người hoặc tiếp nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quan điều tra phải ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và gửi ngay cho Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp để xét phê chuẩn. Tuy nhiên, Bộ Luật tổ tụng hình sự chưa có quy định cụ thể trong một số trường hợp sau:

(i) Về thời điểm giữ người: Trường hợp Cơ quan điều tra trực tiếp thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp ở các địa điểm xa trụ sở của Cơ quan điều tra, đường xá đi lại khó khăn thậm chí là không có đường giao thông, mất nhiều thời gian di chuyển (ví dụ như vùng rừng núi, hải đảo hoặc ở ngoài tỉnh) thì thời điểm giữ người được tính từ thời điểm giữ được người, thời điểm lập biên bản giữ người hay từ thời điểm đưa về đến trụ sở Cơ quan điều tra. Nếu thời hạn tính từ thời điểm giữ được người bị giữ thì sẽ dễ dẫn đến vi phạm thời hạn giữ người và khó khăn trong công tác thu thập các tài liệu để làm căn cứ phê chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 110 (Biên bản giữ người, biên bản ghi lời khai của người bị giữ...).

(ii) Về trường hợp hết thời hạn giữ người (12 giờ) nhưng Viện kiểm sát chưa phê chuẩn Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị) thì người bị giữ được xử lý như nào?

Hai là, trường hợp trước khi ra Lệnh bắt người bị giữ thì Cơ quan điều tra có ra quyết định tạm giữ không, cụ thể như sau: (i) Nếu ra quyết định tạm giữ trước khi ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (theo khoản 5, Điều 110 thì hồ sơ đề nghị phê chuẩn Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp

bao gồm cả quyết định tạm giữ) thì việc thi hành lệnh bắt được thực hiện tại đâu vì khi đó người bị bắt đang bị giữ tại Nhà tạm giữ hoặc Trại tạm giam; việc tham gia của người chứng kiến hoặc gia đình (nếu có) được thực hiện ra sao? (ii) Trường hợp nếu không ra quyết định tạm giữ trước khi ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì sau khi bắt người thì xử lý ra sao vì theo Điều 117 quy định về tạm giữ thì “tạm giữ có thể áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã”. Như vậy tạm giữ không áp dụng đối với trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

f) Tại Khoản 3, Điều 147 quy định về thời hạn, thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố: Việc quy định về các hoạt động như thu thập thông tin, tài liệu, khám nghiệm hiện trường, tử thi, trưng cầu giám định... thì khi tiến hành giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra được phân công giải quyết nguồn tin tội phạm không có quyền ra các quyết định kết thúc việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố như: Khởi tố vụ án, không khởi tố vụ án hình sự, tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (Khoản 1, Điều 147).

Theo quy định, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra được khởi tố vụ án hình sự, vụ án này sẽ do Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra phân công Điều tra viên. Trong thực tế nếu vụ án được phân công cho Phó Thủ trưởng khác thụ lý thì thực hiện như thế nào, đề nghị có quy định, hướng dẫn thực hiện cụ thể.

j) Tại Điều 208 quy định về thời hạn giám định: Theo quy định tại Điều này thời hạn giám định đối với các trường hợp bắt buộc phải giám định (được quy định tại Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự). Trường hợp việc giám định không thể tiến hành trong thời hạn quy định thì cơ quan tiến hành giám định phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Tuy nhiên, thực tiễn còn một số trường hợp khác cần phải tiến hành giám định như: Giám định an toàn kỹ thuật, phương tiện trong các vụ án tai nạn giao thông; giám định ADN; giám định nguyên nhân cháy... lại không quy định về thời hạn giám định. Đề nghị có hướng dẫn cụ thể để thống nhất thực hiện.

h) Tại Điều 229 quy định về tạm đình chỉ điều tra: Đối với một số vụ án có yếu tố nước ngoài, khi tiến hành điều tra xác minh đều có yêu cầu tương trợ tư pháp nhưng hầu như không có kết quả trả lời, thì phải tạm đình chỉ vụ án phần liên quan đến bị can, khi đó bị can là người nước ngoài (không có địa chỉ cư trú tại Việt Nam) được trả tự do, gây khó khăn cho công tác quản lý. Mặt khác, tỉnh Lạng Sơn với đặc thù là địa bàn biên giới nhiều đường mòn, lối mở nên bị can có thể bỏ trốn qua biên giới, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý sau này”.

Trả lời:

a) Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng được ban hành trước Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm

2015 nên các nội dung của Nghị định này trái với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì hết hiệu lực thi hành. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 70/2000/NĐ-CP với nhiều nội dung sửa đổi theo hướng mở rộng các cơ quan (trong đó có Cơ quan cảnh sát điều tra Công an cấp huyện) có thẩm quyền yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp thông tin, tài khoản của khách hàng để phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

b) Điểm b khoản 1 Điều 36 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chỉ quy định chung “*Thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định phân công hoặc thay đổi Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra*”. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 36, Điều 51 và các quy định khác của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì quy định trên được hiểu theo hướng: Thủ trưởng Cơ quan điều tra quyết định phân công hoặc thay đổi Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra để tiến hành khởi tố, điều tra vụ án hình sự. Mặt khác, theo Mẫu số 82 và Mẫu số 83 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự thì việc phân công hoặc thay đổi Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra là để tiến hành khởi tố, điều tra vụ án hình sự.

c) Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì “*khi được phân công tiến hành việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này...*”. Hoạt động “*tiến hành việc khởi tố*” được hiểu là xem xét, quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự, trong đó đã bao hàm các nội dung kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm. Cách hiểu này cũng thống nhất với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 “*Điều tra viên được phân công tiến hành hoạt động khởi tố, điều tra vụ án hình sự có những nhiệm vụ, quyền hạn: a) **Trực tiếp kiểm tra, xác minh và lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm;**...*”.

d) Ngoài quy định “*trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày.. biên bản được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này*”, khoản 5 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định “*trường hợp do trở ngại khách quan thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày*”. Hiện nay, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đang phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoàn thiện dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trong đó có nội dung hướng dẫn cụ thể về việc chuyển, giao nhận biên bản, tài liệu theo quy định tại khoản 5 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cho phù hợp với thực tiễn. Dự kiến dự thảo Thông tư liên tịch nêu trên sẽ trình lãnh đạo liên ngành ký, ban hành trong Quý III/2018.

đ) Nội dung kiến nghị chưa rõ. Đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn trao đổi với cử tri để xác định lại nội dung kiến nghị.

e) - Theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì “*tạm giữ có thể áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp*”. Theo quy định tại khoản 4 Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì “... *những người quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó*”. Như vậy, trong trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải đồng thời ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc trả tự do ngay cho người đó.

- Về thời điểm bắt đầu tính thời hạn giữ người trong trường hợp khẩn cấp: Theo quy định tại khoản 4 Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì “*trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp...*”. Như vậy, trường hợp Cơ quan điều tra trực tiếp thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp ở các địa điểm xa trụ sở của Cơ quan điều tra, đường xá đi lại khó khăn thậm chí là không có đường giao thông, mất nhiều thời gian di chuyển (ví dụ như vùng rừng núi, hải đảo hoặc ở ngoài tỉnh) thì thời điểm giữ người được tính từ khi áp giải người bị giữ về trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra. Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng sẽ nghiên cứu để quy định cụ thể nội dung này trong dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về trường hợp hết thời hạn giữ người trong trường hợp khẩn cấp: Theo quy định tại khoản 6 Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì “*trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn*”. Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định này. Quá thời hạn này mà Viện kiểm sát chưa phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì người đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quan điều tra đã nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải trả tự do cho người bị giữ.

f)- Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì “*Khi được phân công tiến hành việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này*”. Như vậy, khi được phân công tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm thì Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra có quyền ra các quyết định kết thúc việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố như: khởi tố vụ án, không khởi tố vụ án hình sự, tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

- Trường hợp phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra khác tiến hành việc khởi tố, điều tra vụ án thì Phó Thủ trưởng này có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự kể từ khi có quyết định phân công.

j) Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định thời hạn giám định đối với các trường hợp cần xác định: (1) Tình trạng tâm thần của người bị buộc tội khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ; tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức, khả năng khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án; (2) Tuổi của bị can, bị cáo, bị hại nếu việc đó có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án và không có tài liệu để xác định chính xác tuổi của họ hoặc có nghi ngờ về tính xác thực của những tài liệu đó; (3) Nguyên nhân chết người; (4) Tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe hoặc khả năng lao động; (5) Chất ma túy, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ; (6) Mức độ ô nhiễm môi trường. Đây là các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định. Đối với các trường hợp khác phải giám định như giám định an toàn kỹ thuật..., tuy Bộ luật Tố tụng hình sự không quy định thời hạn giám định cụ thể nhưng cũng đã quy định *“thời hạn giám định đối với các trường hợp khác thực hiện theo quyết định trưng cầu giám định”* (khoản 2 Điều 208). Khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định rõ *“Trường hợp việc giám định không thể tiến hành trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì tổ chức, cá nhân tiến hành giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan trưng cầu, người yêu cầu giám định”*.

h) Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khi yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả mà đã hết thời hạn điều tra thì phải tạm đình chỉ điều tra. Trong trường hợp này, việc tương trợ tư pháp vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả. Như vậy, do đã hết thời hạn điều tra nên nếu có bị can đang bị tạm giam thì việc trả tự do cho bị can là bắt buộc để bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Để khẩn trương giải quyết vụ án trong trường hợp vụ án phải yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp, các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền cần tích cực, chủ động liên hệ với phía nước ngoài để việc tương trợ tư pháp được thuận lợi, nhanh chóng, có kết quả sớm trước khi kết thúc điều tra.

8. Kiến nghị của cử tri tỉnh Kiên Giang: *“Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản hướng dẫn hoặc liên tịch hướng dẫn thống nhất về xử lý đối với hành vi mua, bán dầu xảy ra trên các vùng biển. Đối với hoạt động mua dầu từ tàu nước ngoài để bán lại cho các tàu khác cần được xử lý nghiêm theo hướng điều tra, khởi tố, xử lý hình sự về tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới để mở rộng đấu tranh với các đối tượng khác trong cùng “đường dây”*”.

Trả lời:

Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 quy định *“giao Tòa án nhân dân tối cao,*

khi cần thiết, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các điều, khoản, điểm trong Bộ luật Hình sự năm 2015”. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ lưu ý kiến nghị này của cử tri trong quá trình Tòa án nhân dân tối cao xây dựng văn bản hướng dẫn.

9. Kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai: “Đề nghị các cơ quan tư pháp Trung ương xem xét, trả lời, giải quyết kịp thời các nội dung Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan tư pháp cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực về tư pháp chuyển đến”.

Trả lời:

Viện kiểm sát nhân dân tối cao luôn coi công tác trả lời kiến nghị của cử tri là một nhiệm vụ quan trọng của Ngành và rất chú trọng đối với công tác này. Về cơ bản, các kiến nghị của cử tri đều được Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, trả lời theo đúng quy định của pháp luật, không để quá hạn giải quyết³; giải quyết về cơ bản những khó khăn, vướng mắc của cử tri liên quan đến lĩnh vực tư pháp. Đối với những kiến nghị không thuộc thẩm quyền giải quyết, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng đều có văn bản phân loại gửi Ban Dân nguyện để Ban Dân nguyện chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời.

Trên đây là trả lời của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với kiến nghị của cử tri các tỉnh Tây Ninh, Thanh Hóa, Sóc Trăng, thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre, thành phố Hà Nội, Lạng Sơn, Kiên Giang và Gia Lai; trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh Tây Ninh, Thanh Hóa, Sóc Trăng, thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre, thành phố Hà Nội, Lạng Sơn, Kiên Giang và Gia Lai để trả lời cử tri./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện (để b/c);
- Đ/c Viện trưởng VKSTC (để b/c);
- Đ/c Lê Hữu Thê, PVT VKSTC;
- Vụ 12, VKSTC;
- Lưu: VT, V14.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



★ Bùi Mạnh Cường

³ Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có các Công văn số 993/VKSTC-V14 ngày 15/3/2018; Công văn số 1143/VKSTC-V5 ngày 26/3/2018 và Công văn số 1224/VKSTC-V14 ngày 30/3/2018 để trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV.